

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 20-8-2018.

V/v: “Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ba.

2. Ông Phạm Đình Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2018/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị M, sinh năm 1993. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Anh Lê Đình T, sinh năm 1992. *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn A, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – Chị Trần Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện đến với nhau, có tổ chức đăng ký kết hôn vào ngày 11/9/2014 và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng có với nhau một con chung. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân giữa chị và anh T bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã do anh T không tôn trọng chị, hay xúc phạm chị và sống không có trách nhiệm với chị, không đảm bảo được tài chính cho gia

đình. Hơn nữa, anh T còn có hành vi bạo lực với chị nhiều lần. Cho nên, vợ chồng không còn tình cảm và không còn thương yêu nhau. Sau khi làm đơn xin ly hôn thì tháng 7 năm 2018 chị và anh T đã ra ở riêng, phần ai nấy lo và không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay, chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được; vợ chồng đã mất niềm tin nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 cháu tên là Lê Trần A, sinh ngày 01/4/2015. Chị M yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị M không có trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - Anh Lê Đình T trình bày: Anh thống nhất với chị M về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, anh và chị M sống không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và anh thừa nhận đã có hành vi bạo lực với chị M. Nguyên nhân do chị M thường hay xúc phạm anh, dùng nhiều lời lẽ khó nghe nên trong lúc bức tức anh có tát tai chị M; việc chị M cho rằng anh không có trách nhiệm với chị là không đúng vì hằng tháng đi làm về anh đều đưa tiền cho chị M để lo gia đình. Ngoài ra, trong thời gian chung sống, anh phát hiện chị M có quan hệ ngoại tình, nhảu tin tình cảm với người đàn ông khác. Nay, chị M cương quyết ly hôn anh nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên anh thống nhất ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu tên là Lê Trần A, sinh ngày 01/4/2015. Anh T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra, anh T không có trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M và anh T và giao con chung Lê Trần A, sinh ngày 01/4/2015 cho anh T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của anh T tại Thôn A, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; chị M yêu cầu ly hôn và nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung” thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam vào ngày 11/9/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn. Theo chị M và anh T, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau và thường hay xúc phạm nhau nên thường xuyên cãi vã và anh T đã nhiều lần có hành vi bạo lực với chị M. Ngoài ra, theo anh T thì chị M đã có quan hệ ngoại tình, nhắn tin tình cảm với người đàn ông khác và trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã cung cấp các tài liệu cho Tòa án để chứng minh việc chị M có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh T và chị M tại UBND thị trấn Đ, huyện Q nhưng UBND thị trấn Đ không rõ nguyên nhân mâu thuẫn của anh, chị. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, chị M cương quyết ly hôn và anh T thống nhất ly hôn. Điều này cho thấy tình cảm giữa chị M và anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng sâu sắc không thể hàn gắn được và thực tế sau khi làm đơn ly hôn thì chị M và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, sự thuận tình ly hôn giữa chị M và anh T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M và anh T.

[3] Về nuôi dưỡng con chung: Chị M và anh T đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung.

Theo kết quả xác minh tại UBND thị trấn Đ ngày 07/6/2018 thì: “...Anh T, chị M hiện nay đều đi làm ăn tại Thành Phố Đ nên địa phương không rõ thu nhập như thế nào, có đủ điều kiện nuôi con hay không”. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do anh T và chị M cung cấp và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thì chị M đang làm quản lý tại cửa hàng Cà phê Nguyễn Thị K tại quận S, Thành Phố Đ và anh T làm nghề lái xe cho Doanh nghiệp tư nhân Q tại huyện H, Thành phố Đ. Chị M và anh T đều có việc làm và thu nhập ổn định nên chị M và anh T đều đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, theo đơn xác nhận của Công an phường K, quận C, Thành Phố Đ ngày 01/8/2018 hiện nay cháu Lê Trần A đang sinh sống cùng với anh T và tại đơn xác nhận ngày 02/8/2018 của Trường mầm non T: “Cháu Lê Trần A đang theo học tại nhóm lớp T, ba cháu đưa và đón cháu đúng giờ”. Điều này cho thấy, thực tế sau khi làm đơn xin ly hôn chị M đã ra ở riêng và giao con cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Trần A. Từ những phân tích trên, Hội

đồng xét xử xét thấy cháu Lê Trần A, sinh ngày 01/4/2015, tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu M đã trên 36 tháng tuổi và theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con;...”*. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của cháu M, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lê Trần A, sinh ngày 01/4/2015 cho anh Lê Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Tại phiên tòa, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Lê Đình T.

2. Về con chung:

Xử: Giao cháu Lê Trần A, sinh ngày 01/4/2015 cho anh Lê Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*).

Chị Trần Thị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006707 ngày 07/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND thị trấn Đ, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Thế